TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2021/HS-ST
Ngày: 17/05/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hoà – CB hưu trí.

Ông Trần Chính – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thành Thị Th Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 05 năm 2021, tại trụ Tòa án nhân dân thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 235/2021/HSST ngày 22/04/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HS ngày 27/04/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thanh T, sinh năm 1997 tại Đ;

Nơi cư trú: 98/4, Khu phố 4, phường Tân Hoà, thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không;

Họ và tên cha: Trần Văn Th; sinh năm 1975 (còn sống)

Họ và tên mẹ: Phạm Thị Th, sinh năm 1977; (còn sống).

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/02/2021. Hiện nay bị cáo tại ngoại.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1993.

Trú tại địa chỉ:58/4, Khu phố 1, phường Tân Hoà, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1977.

Trú tại địa chỉ: 98/4, Khu phố 4, phường Tân Hoà, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Bị hại có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29-11-2020, Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 60M4-0746 đến tiệm cầm đồ Thăng Tiến Phát tại địa chỉ 58/4, khu phố 1, phường Tân Hòa, thành phố B do anh Nguyễn Đ làm chủ để cầm chiếc

xe mô trên với giá 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) từ ngày 29-11-2020 đến ngày 29-12-2020 (hai bên có lập hợp đồng cầm đồ). Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày T quay lại để hỏi cầm thêm tiền nhưng anh Đ không đồng ý. Lúc này, T hỏi mượn anh Đ chìa khóa xe mô tô trên để nổ máy cho người khác đến xem xe và cầm với giá cao hơn thì anh Đ đi vào trong nhà lấy chìa khóa. Lợi dụng lúc anh Đ đi vào trong nhà tìm khóa xe, T nhìn thấy chìa khóa xe đang cắm trên ổ bên hông yên xe nên T đã rút chìa khóa, cắm vào ổ khóa điện nổ máy xe bỏ chạy trốn. Sau khi phát hiện bị mất xe mô tô biển số 60M4-0746, anh Đ lên trình báo Công an phường Tân Hòa lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng vụ án là:

- 01 xe mô tô biển số 60M4-0746, qua điều tra làm rõ xe mô tô này là của bà phạm Thị Th mẹ ruột của T, bà Th mua cho T quản lý, sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà Th.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 571 ngày 16/12/2020 đối với 01 xe mô tô biển số 60M4-0746 có giá trị là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Đ đã nhận số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) T cầm xe mô tô và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 246/CT/VKS-BH ngày 08/04/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để tuyên xử bị cáo Trần Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản". Đề xuất áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu Thộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 06 tháng đến 08 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tiền bị cáo cầm xe, không có yêu cầu gì khác, nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bị hại đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo vì bị hại cũng đã nhận đủ tiền bồi thường, bị cáo cũng phạm tội lần đầu và là chỗ quen biết nhau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th tại phiên toà trình bày: Bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Tuy nhiên, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi pham tội và thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là

hành vi trái với quy định của pháp luật, không có ý kiến gì đối với phần hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai của những bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên toà và có tại hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo Trần Thanh T đã khai nhận vì không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài nên đã đến tiệm cầm đồ Thăng Tiến Phát, Thộc số nhà số 58/4, khu phố 1, phường Tân Hòa, thành phố B của anh Nguyễn Đ đang trực tiếp quản lý đề cầm cavet xe mô tô biển số 60M4-0746 của gia đình mua cho sử dụng với giá 700.000đ. Đến khoảng 10 giờ ngày 29-11-2020, bị cáo T tiếp tục đem chiếc xe mô tô ra tiệm của anh Nguyễn Đ cầm với giá 5.000.000đ. Tới 16h30 cùng ngày, bị cáo quay lại tiệm để mượn thêm tiền nhưng bị từ chối, từ đó sợ không có xe đem về nhà, nên bị cáo T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nói trên rồi bỏ chạy. Hành vi của bị cáo sau đó bị phát hiện và xử lý. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Thanh T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là một loại khách thể được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang bất ổn nơi quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo T là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có trình độ học vấn nhất định, có khả năng lao động để tạo ra Th nhập, nhưng vì lười lao động lại ham chơi, đua đòi vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã nảy sinh lòng tham thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo đem đi cầm trước đó, hiện tại đang Thộc quyền quản lý của anh Nguyễn Đ mà chưa thanh toán đủ tiền cầm đồ đã nhận theo như thoả Thận. Hành vi này cho thấy bị cáo là đối tượng liều lĩnh và coi thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt phù hợp, nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục bị cáo cũng như nhằm răn đe tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét tại phiên toà ngày hôm nay và trong suốt quá trình điều tra truy tố, bị cáo luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và Thộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường khác phục hậu quả cho phía bị hại. Đây là những là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, sẽ được cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T.

[5]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 60M4-0746, qua điều tra làm rõ xe mô tô này là của bà Phạm Thị Th mẹ ruột của T, bà Th mua cho T quản lý, sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà Th.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về áp dụng điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

- Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T: 06 (Sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thanh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đồng Thị Hồng